

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26/9/2025

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tống Văn Tâm;
- Ông Nguyễn Văn Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1993; thường trú: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm H, sinh năm 1991; thường trú: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Phạm H tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn ngày 19/11/2013 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2013. Quá trình hôn nhân, bà

T và ông H không có con chung. Thời kỳ đầu hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc nhau nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không còn tiếng nói chung; ai cũng cho mình là đúng, người kia sai nên không có sự tin tưởng nhau.

Hiện tại, mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- + Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn ông Nguyễn Phạm H.
- + Về con chung và việc cấp dưỡng: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Phạm H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia các buổi làm việc cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú tại xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Phạm H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Phạm H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78/2013 ngày 17/11/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau; tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Theo bà T trình bày, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không còn tiếng nói chung, ai cũng cho mình là đúng, người kia sai nên không có sự tin tưởng nhau.

Ông Nguyễn Phạm H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia hòa giải để giải quyết việc hôn nhân của mình nhưng ông H vắng mặt không lý do. Mặc dù biết thông tin bà T xin ly hôn nhưng ông H không đến Tòa án trình bày nguyện vọng và đưa ra giải pháp đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, điều này cho thấy ông H không quan tâm gì đến việc hôn nhân với bà T, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có con chung nên bà T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 238, 266, 269, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Phạm H.

- Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003685 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp